

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 05/2019/DS-ST
Ngày 09 tháng 4 năm 2019
“*V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Huy.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Lan và bà Nguyễn Thị Mỹ
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Vương Tấn Lập – Thư ký

Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 82/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C; địa chỉ: Khu 5, bán đảo L, phường H, quận M, thành phố Hà Nội;

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Xuân T – Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện G, tỉnh Gia Lai; địa chỉ: số X, đường H, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai; theo quyết định ủy quyền số 24/QĐ-NHCS ngày 22/6/2017 của Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Hà Văn T địa chỉ: Tổ dân phố Y, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Hằng D (vợ ông T), địa chỉ: Tổ dân phố Y, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ghi ngày 11/10/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh Xuân T trình bày như sau:

Căn cứ Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn ngày 27/03/2016 của Ủy ban nhân dân thị trấn K, Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện G (Ngân hàng) đã giải ngân cho ông Hà Văn T vay vốn theo diện giải quyết việc làm, không có tài sản đảm bảo, với số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 0,55%/ tháng

(tương đương 6,6%/năm), lãi suất quá hạn 0,715%/tháng (tương đương 8,58%/năm), đã giải ngân vào ngày 30/3/2016, thời hạn cho vay 36 tháng, trả lãi hàng tháng, trả tiền gốc 12 tháng/lần, mỗi lần 10.000.000đ.

Theo Sổ lưu từ rời theo dõi việc cho vay, thu nợ, dư nợ, bị đơn còn nợ tiền gốc 30.000.000đ, đã trả tiền lãi đến ngày 13/10/2018, sau đó không trả lãi và không trả nợ gốc. Ông Hà Văn T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, bỏ đi khỏi nơi cư trú, không cung cấp địa chỉ mới, không sử dụng vốn vay đúng mục đích.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Hà Văn T phải trả số tiền nợ gốc là 30.000.000đ và nợ lãi theo mức lãi suất là 6,6%/năm, tương đương 0,55%/tháng, tính từ ngày 13/10/2018 đến ngày xét xử là 2.999.836đ.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Hà Văn T và người có quyền và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Hằng Duyên vắng mặt, không có ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đảm bảo, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo kết quả xác minh của Tòa án tại UBND thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai, bị đơn là ông Hà Văn T và người có quyền và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Hằng Duyên có địa chỉ nơi cư trú tại tổ dân phố X (nay là tổ dân phố Y), thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Địa chỉ của bị đơn đúng với địa chỉ mà nguyên đơn đã ghi trong đơn khởi kiện và đúng với địa chỉ ghi trong hồ sơ vay vốn. Tuy nhiên, khi Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, ông T và bà Duyên đã đi khỏi địa chỉ nơi cư trú, không xác định thời điểm trở về nhưng không thông báo cho nguyên đơn và cơ quan có thẩm quyền biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 và điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật Dân sự năm 2015, cố tình che giấu địa chỉ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Ia Grai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và tiến hành giải quyết theo thủ tục chung. Xét bị đơn và người có quyền và nghĩa vụ liên quan cố tình che giấu địa chỉ, tại nơi cư trú còn tài sản là nhà, đất và cha đang sinh sống nên Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ kèm theo và những văn bản tố tụng tại nơi cư trú, đảm bảo cho việc tiếp nhận thông tin và tiến hành giải quyết theo thủ tục chung theo quy định tại Điều 177, Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, không thông báo địa chỉ mới cho nguyên đơn, cố tình che giấu địa chỉ nên có căn cứ xác định bị đơn đã không còn sử dụng tiền vay đúng mục đích vay là để cải tạo, chăm sóc vườn cà phê, cung cấp thông tin sai sự thật, đồng thời vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn có

quyền khởi kiện, chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

[3] Bị đơn Hà Văn T và người có quyền và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Hằng D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt, nên tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà D theo điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Mặc dù, giấy đề nghị vay vốn, danh sách đề nghị vay vốn trong hồ sơ vay vốn thể hiện là hộ gia đình, tuy nhiên Ngân hàng cho ông Hà Văn T vay theo chính sách hỗ trợ tạo việc làm của Chính phủ theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015, ông T vay với tư cách là người lao động theo quy định tại Điều 3, Điều 12 Luật việc làm năm 2013. Theo các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là sổ vay vốn; giấy đề nghị vay vốn, sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay, thu nợ, dư nợ đều thể hiện người vay vốn là ông Hà Văn T. Không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh bà D là vợ ông T biết và cùng thỏa thuận xác lập giao dịch. Do đó, có căn cứ xác định ông T xác lập giao dịch vay tiền với tư cách cá nhân nên nghĩa vụ trả nợ thuộc về ông T.

[5] Bị đơn đã được tổng đạt đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến phản đối nên có căn cứ xác định chứng cứ này là đúng sự thật. Chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là sổ lưu tờ rời theo dõi việc cho vay, thu nợ, dư nợ thể hiện bị đơn còn nợ tiền gốc 30.000.000đ, không trả tiền lãi từ ngày 13/10/2018 và không trả nợ gốc. Có căn cứ xác định bị đơn vi phạm nghĩa vụ đã cam kết, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc 30.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 13/10/2018 đến ngày 09/4/2019 là 2.999.836đ, theo quy định tại các điều 91, 94, 95 Luật Các tổ chức tín dụng 2010.

[5] Về án phí: Bị đơn là ông Hà Văn T chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả tiền là 1.649.992đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 39, 40, 147, 192, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

- Áp dụng các Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Tuyên xử:

1. Ông Hà Văn T phải trả cho Ngân hàng C 30.000.000 (ba mươi triệu đồng) nợ gốc và 2.999.836đ (hai triệu chín trăm chín mươi chín nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Hà Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng là 8,58%/năm.

2. Ông Hà Văn T phải nộp số tiền 1.649.992đ (một triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm chín mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THA dân sự huyện Ia Grai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Văn Huy